

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **30**/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 08 – 2022.

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường và ông Lê Khắc Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 286/2022/TLST – HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2022, về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Võ Thị N, sinh năm 1973. **Nơi cư trú:** Thôn 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Ngô Văn H, sinh năm: 1970. **Nơi cư trú:** Thôn 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/6/2022 và các lời khai trong quá trình thu thập, chứng cứ nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày: Bà N và ông Ngô Văn H yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống hạnh phúc được thời gian, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau và ông H có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Võ Thị N và ông Ngô Văn H không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà N, ông H có 04 con chung là Ngô Thị Lan H, sinh ngày: 10/5/1991; Ngô Thị Lan H2, sinh ngày 10/11/1993; Ngô Đức H, sinh ngày: 13/5/1997 và Ngô Thị Lan H3, sinh ngày: 13/5/1999. Hiện nay các con chung, đã trên 18 tuổi. Do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại các lời khai trong quá trình thu thập, chứng cứ bị đơn ông Ngô Văn H trình bày: Ông H và bà Võ Thị N chung sống với nhau từ năm 1990 đến năm 2018, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2018 chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và chúng tôi đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay mỗi người sống 1 nơi. Nay tôi xét thấy tình cảm của chúng tôi không còn nữa nên đề nghị Tòa án không công nhận giữa tôi với bà Võ Thị N là vợ chồng; Về con chung có 04 con chung là Ngô Thị Lan H, sinh ngày: 10/5/1991; Ngô Thị Lan H2, sinh ngày 10/11/1993; Ngô Đức H, sinh ngày: 13/5/1997 và Ngô Thị Lan H3, sinh ngày: 13/5/1999. Hiện nay các con chung, đã trên 18 tuổi. Do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau khi thụ lý Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn và triệu tập các bên đương sự để tham gia phiên hoà giải nhưng do bà Võ Thị N và ông Ngô Văn H không có đăng ký kết hôn nên Toà án nhân dân huyện K không tiến hành hoà giải về quan hệ hôn nhân theo quy định tại Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Toà án nhân dân huyện K đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị N; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị N và ông Ngô Văn H là vợ chồng; Về con chung là Ngô Thị Lan H, sinh ngày: 10/5/1991; Ngô Thị Lan H2, sinh ngày 10/11/1993; Ngô Đức H, sinh ngày: 13/5/1997 và Ngô Thị Lan H3, sinh ngày: 13/5/1999 đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu. Do đó Tòa án không giải quyết; Về tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Võ Thị N, lập ngày 21/06/2022, Tòa án nhân dân huyện K xác định quan hệ pháp luật: Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy bị đơn ông Ngô Văn H cư trú tại thôn 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Sau khi thụ lý Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn và triệu tập các bên đương sự để tham gia phiên họp và hoà giải nhưng do bà Võ Thị N và ông Ngô Văn H không có đăng ký kết hôn nên Toà án nhân dân huyện K không tiến hành hoà giải về quan hệ hôn nhân theo quy định tại Điều 54 Luật hôn và nhân gia đình. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Toà án nhân dân huyện K đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Võ Thị N và bị đơn ông Ngô Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS Tòa án nhân dân huyện K tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Bà Võ Thị N và ông Ngô Văn H chung sống với nhau từ năm 1990 đến năm 2018, trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình thu thập chứng cứ bà N và ông H đều xác nhận trong thời gian chung sống với nhau bà N, ông H không đến Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Vì vậy HĐXX, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà Võ Thị N và ông Ngô Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Các con chung là Ngô Thị Lan H, sinh ngày: 10/5/1991; Ngô Thị Lan H2, sinh ngày 10/11/1993; Ngô Đức H, sinh ngày: 13/5/1997 và Ngô Thị Lan H3, sinh ngày: 13/5/1999, đều đã trên 18 tuổi nên các đương sự không yêu cầu. Do đó HĐXX không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị N phải chịu án phí hôn nhân đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị N và ông Ngô Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung là Ngô Thị Lan H, sinh ngày: 10/5/1991; Ngô Thị Lan H2, sinh ngày 10/11/1993; Ngô Đức H, sinh ngày: 13/5/1997 và Ngô Thị Lan H3, sinh ngày: 13/5/1999, đều đã trên 18 tuổi nên các đương sự không yêu cầu. Do đó HĐXX không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0003218 ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị N và bị đơn ông Ngô Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

(Đã ký)

Võ Thị Mai